

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2024/TTT

Tây Ninh, ngày 22 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Du lịch – Thương mại Tây Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC): BCTC riêng giữa niên độ và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TTT
- Địa chỉ: 1253 đường Cách mạng tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0276.3822376
- Email: tanitour.tayninh@gmail.com Website: <https://tanitour.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng giữa niên độ và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét)

BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 22/08/2024 tại đường dẫn: <https://tanitour.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCT riêng giữa niên độ
- BCTC hợp nhất giữa niên độ
- Văn bản giải trình BCTC riêng giữa niên độ số 302/DLTM
- Văn bản giải trình BCTC riêng giữa niên độ số 303/DLTM



Phan Thanh Trung

Số: 302/DLTM

Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2024

V/v Báo cáo giải trình lợi nhuận BCTC riêng 6th đầu năm 2024
Giảm so với lợi nhuận BCTC 6th đầu năm 2023

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo quy định tại Chương III, Điều 14 khoản 2,3,4 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh 6th đầu năm 2024 của Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh,

Nay Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh xin báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2023, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	6th 2024	6th 2023	Tăng(+)/ giảm (-)	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Tổng doanh thu	68.935.556.569	75.088.371.710	(6.152.815.141)	-8,19
2	Tổng chi phí	53.576.213.403	56.571.334.693	(2.995.121.290)	-5,29
3	Lợi nhuận trước thuế	15.359.343.166	18.517.037.017	(3.157.693.851)	-17,05
4	Lợi nhuận sau thuế	12.268.274.533	14.794.429.614	(2.526.155.081)	-17,08

Qua bảng số liệu tổng hợp trên, lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2024 đạt 12.268.274.533 đồng giảm 17,08% so với lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2023, tương ứng số tiền là: (2.526.155.081) đồng, nguyên nhân do: tổng doanh thu 6th đầu năm 2024 giảm 8,19% so với cùng kỳ, tương đương (6.152.815.141) đồng.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6th đầu năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCCKHN;
- Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Hiền

Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09-23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và đăng ký sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập ngày 20 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH
Hàng Kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		121.552.058.474	111.669.589.641
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	11.227.497.189	6.692.285.669
111	1. Tiền		2.227.497.189	1.692.285.669
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.000.000.000	8.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	11.000.000.000	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98.200.024.355	96.530.502.477
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.467.687.368	24.871.461.382
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	71.700.000.000	68.700.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.032.336.987	2.959.041.095
140	IV. Hàng tồn kho		442.056.061	389.248.245
141	1. Hàng tồn kho		442.056.061	389.248.245
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		682.480.869	57.553.250
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	682.480.869	57.553.250
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.020.886.525	33.973.731.675
220	I. Tài sản cố định		5.377.023.219	6.374.545.207
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	5.377.023.219	6.374.545.207
222	- Nguyên giá		23.416.056.253	23.416.056.253
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.039.033.034)	(17.041.511.046)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	1.444.981.901	1.587.111.268
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.801.539.092)	(2.659.409.725)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		24.931.910.430	24.931.910.430
251	1. Đầu tư vào công ty con	4	24.931.910.430	24.931.910.430
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.266.970.975	1.080.164.770
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.266.970.975	1.080.164.770
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		154.572.944.999	145.643.321.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.148.246.047	20.462.227.941
310	I. Nợ ngắn hạn		17.048.246.047	20.362.227.941
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.744.115.297	8.665.965.716
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.467.160.388	3.974.631.436
314	3. Phải trả người lao động		3.813.939.538	4.909.350.974
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		468.502.970	91.181.514
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		974.000.002	4.545.455
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.577.699.427	2.703.724.421
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.828.425	12.828.425
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	100.000.000	100.000.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.424.698.952	125.181.093.375
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	137.248.814.590	124.980.540.057
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		24.537.406.213	24.537.406.213
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.009.308.377	54.741.033.844
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.741.033.844	36.367.335.522
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.268.274.533	18.373.698.322
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		175.884.362	200.553.318
431	1. Nguồn kinh phí		177.197	177.197
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		175.707.165	200.376.121
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		154.572.944.999	145.643.321.316

Bùi Thị Hồng Nhung
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	64.044.129.280	69.665.437.194
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	696.766.760	1.229.040.679
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.347.362.520	68.436.396.515
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	48.826.285.698	51.273.210.411
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.521.076.822	17.163.186.104
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.447.893.182	3.232.957.632
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	665.061.219	785.844.014
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	3.148.066.486	3.129.434.977
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.155.842.299	16.480.864.745
31	11. Thu nhập khác	22	3.140.300.867	3.419.017.563
32	12. Chi phí khác	23	936.800.000	1.382.845.291
40	13. Lợi nhuận khác		2.203.500.867	2.036.172.272
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.359.343.166	18.517.037.017
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	3.091.068.633	3.722.607.403
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.268.274.533	14.794.429.614


Bùi Thị Hồng Nhung
Người lập


Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng


Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc



Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		15.359.343.166	18.517.037.017
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		1.114.982.399	1.208.193.683
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(2.447.893.182)	(3.232.957.632)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.026.432.383	16.492.273.068
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu		386.774.014	(18.723.816.577)
10	(Giảm)/Tăng hàng tồn kho		(52.807.816)	2.234.575.933
11	(Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(2.568.885.947)	789.011.293
12	(Tăng) chi phí trả trước		(811.733.824)	(1.350.737.979)
15	Thuế TNDN đã nộp		(3.826.164.580)	(2.538.904.198)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		7.143.614.230	(3.097.598.460)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(368.330.909)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(56.000.000.000)	(16.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000.000	11.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.391.597.290	1.864.711.060
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(2.608.402.710)	(3.503.619.849)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(112.470.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		-	(112.470.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.535.211.520	(6.713.688.309)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.692.285.669	10.767.075.261
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		11.227.497.189	4.053.386.952

Bùi Thị Hồng Nhung
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và đăng ký sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT. Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 61 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 63 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như kinh doanh nước giải khát, dịch vụ vận chuyển xe điện, dịch vụ giữ xe và dịch vụ dọn vệ sinh cảnh quan trong và quanh khu vực Núi Bà.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con ("Công ty") cho kỳ kế toán từ 01/01/2024 tới 30/06/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Thời gian hữu dụng của tài sản cố định;
- ▶ Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.
- ▶ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
▶ TSCĐ khác	04 - 08 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác, chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí kiểm toán, chi phí tiền điện và một số chi phí khác,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu Ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán này.

2.22 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bán kèm hàng hóa và chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	919.306.756	809.915.052
Tiền gửi ngân hàng	1.308.190.433	882.370.617
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	5.000.000.000
	11.227.497.189	6.692.285.669

(*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 1,6%/năm - 3,2%/năm.

4. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30/06/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,4%/năm - 4,0%/năm.

b) Đầu tư vào công ty con

	Mã chứng khoán	30/06/2024		01/01/2024	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	TCT	24.931.910.430	-	24.931.910.430	-
		24.931.910.430	-	24.931.910.430	-

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mặt Trời Tây Ninh	22.778.236.949	23.814.434.139
Khác	1.689.450.419	1.057.027.243
	24.467.687.368	24.871.461.382

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cho vay tổ chức	71.700.000.000	68.700.000.000
	71.700.000.000	68.700.000.000

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích tối ưu nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay, phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	2.015.336.987	2.959.041.095
Khác	17.000.000	-
	2.032.336.987	2.959.041.095

8. Chi phí trả trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất, tài sản	593.505.400	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	41.211.111	46.291.667
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.170.833	9.614.583
Khác	41.593.525	1.647.000
	682.480.869	57.553.250
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	634.984.201	155.283.050
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.342.220	64.542.470
Khác	565.644.554	860.339.250
	1.266.970.975	1.080.164.770

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	6.599.881.503	827.979.265	13.429.743.117	2.526.652.368	31.800.000	23.416.056.253
Tại ngày 30/06/2024	6.599.881.503	827.979.265	13.429.743.117	2.526.652.368	31.800.000	23.416.056.253
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	4.772.723.522	320.926.902	9.400.702.346	2.526.652.368	20.505.908	17.041.511.046
Khấu hao trong kỳ	442.124.887	57.782.509	472.945.636	-	-	972.853.032
Hao mòn tài sản nguồn ngân sách	-	13.238.833	9.376.652	-	2.053.471	24.668.956
Tại ngày 30/06/2024	5.214.848.409	391.948.244	9.883.024.634	2.526.652.368	22.559.379	18.039.033.034
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	1.827.157.981	507.052.363	4.029.040.771	-	11.294.092	6.374.545.207
Tại ngày 30/06/2024	1.385.033.094	436.031.021	3.546.718.483	-	9.240.621	5.377.023.219

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.716.729.109 VND.
- ▶ TSCĐ của Công ty bao gồm các tài sản mua từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2024 lần lượt là 396.731.998 VND và 221.024.833 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 30/06/2024 là 175.707.165 VND được ghi nhận vào Mã số 432 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

10. Bất động sản đầu tư

Tại thời điểm 30/06/2024, bất động sản đầu tư là văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	2.997.425.520	2.997.425.520	2.698.999.620	2.698.999.620
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	818.227.051	818.227.051	818.227.051	818.227.051
Chi nhánh Công ty TNHH DALAT HASFARM tại thành phố Hồ Chí Minh	798.321.116	798.321.116	-	-
Công ty TNHH MTV Cây xanh Phú Đạt	-	-	2.741.350.000	2.741.350.000
Khác	1.130.141.610	1.130.141.610	2.407.389.045	2.407.389.045
	5.744.115.297	5.744.115.297	8.665.965.716	8.665.965.716

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Phát sinh trong kỳ		30/06/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	115.136.617	2.158.247.444	2.019.853.508	253.530.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.826.164.580	3.091.068.633	3.826.164.580	3.091.068.633
Thuế thu nhập cá nhân	8.430.821	291.340.118	291.497.349	8.273.590
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	187.010.800	93.505.400	93.505.400
Các loại thuế, phí khác	24.899.418	131.601.699	135.718.905	20.782.212
	3.974.631.436	5.859.268.694	6.366.739.742	3.467.160.388

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Thu-chi hộ Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen về phí lệ phí (*)	2.292.873.899	2.458.194.093
Cổ tức phải trả	124.773.000	124.773.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.052.528	120.757.328
	2.577.699.427	2.703.724.421
Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

(*) Theo hợp đồng thu chi hộ phí tham quan di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen ngày 28/12/2022 giữa Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen và Công ty.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2023	45.702.100.000	24.537.406.213	45.507.755.522	115.747.261.735
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	14.794.429.614	14.794.429.614
Tại ngày 30/06/2023	45.702.100.000	24.537.406.213	60.302.185.136	130.541.691.349
Tại ngày 01/01/2024	45.702.100.000	24.537.406.213	54.741.033.844	124.980.540.057
Lợi nhuận kỳ này	-	-	12.268.274.533	12.268.274.533
Tại ngày 30/06/2024	45.702.100.000	24.537.406.213	67.009.308.377	137.248.814.590

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Địa Cầu	11.197.010.000	24,50	11.197.010.000	24,50
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ảnh Dương	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50	12.568.090.000	27,50
	45.702.100.000	100,00	45.702.100.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>45.702.100.000</u>	<u>45.702.100.000</u>
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu kỳ	124.773.000	235.093.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	-	112.470.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	-	112.470.000
- Cổ tức phải trả cuối kỳ	<u>124.773.000</u>	<u>122.623.000</u>

d. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

15. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 01 (một) hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 011/2024/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2024 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2024.

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động bán hàng hóa	23.531.383.329	25.487.929.206
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.819.722.222	4.903.163.636
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	6.921.375.925	6.412.368.181
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	26.393.678.876	29.847.628.941
Khác	2.377.968.928	3.014.347.230
	<u>64.044.129.280</u>	<u>69.665.437.194</u>

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	696.766.760	1.229.040.679
	696.766.760	1.229.040.679

18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Hoạt động bán hàng hóa	20.738.910.652	21.806.069.063
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.600.701.528	1.512.853.738
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.396.544.070	5.082.134.682
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	20.787.984.105	22.253.058.345
Khác	302.145.343	619.094.583
	48.826.285.698	51.273.210.411

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	2.447.893.182	3.232.957.632
	2.447.893.182	3.232.957.632

20. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	492.958.774	617.293.439
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.674.330	97.674.330
Chi phí bằng tiền khác	74.428.115	70.876.245
	665.061.219	785.844.014

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	2.476.937.254	2.567.682.628
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.594.198	61.202.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.269.057	381.122.298
Chi phí khác	148.265.977	119.427.509
	3.148.066.486	3.129.434.977

26. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

28. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 20 tháng 08 năm 2024.



Bùi Thị Hồng Nhung
Người lập



Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

